TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂY NINH

Số: 10621/TB-PCTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá lô hàng thanh lý tài sản cố định và vật tư thiết bị đợt 3 năm 2026

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH16 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 2325/QĐ-EVNSPC ngày 04/9/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Quy trình thanh xử lý, nhượng bán tài sản trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 3724/QĐ-PCTN ngày 14/10/2026 của Công ty Điện lực Tây Ninh về việc phê duyệt giá khởi điểm thanh lý tài sản cố định và vật tư thiết bị đợt 3 năm 2026.

1. Tên người có tài sản đấu giá: Công ty Điện lực Tây Ninh

2. Địa chỉ người có tài sản đấu giá: Số 168 Tuyến Tránh - Phường Long An – Tỉnh Tây Ninh.

3. Số điện thoại: 02723.567.973

4. Mã số thuế: 0300942001- 015

5. Tên VTTB đấu giá: Tài sản cố định và vật tư thiết bị đợt 3 năm 2026.

6. Giá khởi điểm, chất lượng của tài sản đấu giá bao gồm thuế GTGT: **28.463.889.500 đồng** *(Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, bốn trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm đồng).*

Trong đó:

a) Lô 1: Tài sản cố định, vật tư thiết bị

- Số lượng danh mục: 78 danh mục (chi tiết được đính kèm).
- Giá khởi điểm (gồm thuế GTGT): **14.876.248.300 đồng** (*Bằng chữ: Mười bốn tỷ, tám trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm đồng*).
- Chất lượng tài sản: Hư hỏng, kém, mất phẩm chất.

b) Lô 2: Tài sản cố định, vật tư thiết bị và công cụ dụng cụ

- Số lượng danh mục: 289 danh mục (chi tiết được đính kèm).

- Giá khởi điểm (gồm thuế GTGT): **13.587.641.200 đồng** (*Bằng chữ: Mười ba tỷ, năm trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm đồng*).

- Chất lượng tài sản: Hư hỏng, kém, mất phẩm chất.

c) Đấu giá theo từng Lô riêng biệt.

7. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm:

Tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng được các tiêu chí quy định tại Khoản 4, Điều 56, Luật đấu giá tài sản và các tiêu chí theo Phụ lục I - Bảng tiêu chi đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản ban hành theo Thông tư số 19/2024/TTBTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản. Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Cụ thể theo bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá như sau:

TT	Nội dung	Mức tối đa
I	**Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố**	
1	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	**Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá**	**19**
1	**Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá**	**10**
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5
2	**Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá**	**5**
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3
3	**Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên** **Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp**	**2**
4	**Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến**	**1**

TT	Nội dung	Mức tối đa
5	**Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá**	**1**
III	**Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả** (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	**16**
1	**Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao**	**4**
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2
2	**Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)**	**4**
3	**Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá**	**4**
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2
4	**Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá**	**4**
IV	**Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**	**57**
1	**Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)**	**15**
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15
2	**Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề**	**7**
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7
3	**Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề** (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	**7**
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4

TT	Nội dung	Mức tối đa
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7
4	**Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên** (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	**3**
	Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm.	
	Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:	
	Số điểm của B = (U x 3)/Y	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản(C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc)thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên:Số điểm của C = (V x 3)/Y	
5	**Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)**	**7**
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7
6	**Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**	**4**
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
6.1	01 đấu giá viên	2
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4
7	**Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số**	**4**

TT	Nội dung	Mức tối đa
	17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)	
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
7.1	Dưới 05 năm	2
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3
7.3	Từ 10 năm trở lên	4
8	**Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề**	**5**
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5
9	**Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)**	**5**
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5
V	**Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định** (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này).	**8**
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	3
	- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	
	- Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có).	
2	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức	2

TT	Nội dung	Mức tối đa
	hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	
3	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này).	3
	- Để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận và được tư vấn mua hồ sơ, làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá nơi gần nhất của nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước. Chủ tài sản yêu cầu Tổ chức hành nghề đấu giá có nhiều chi nhánh hoạt động, cụ thể như sau:	
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
3.1	Từ 20 chi nhánh trở lên (bao gồm trụ sở chính)	3
3.2	Từ 15- dưới 20 chi nhánh (bao gồm trụ sở chính)	2
3.3	Từ 10- dưới 15 chi nhánh (bao gồm trụ sở chính)	1
Tổng số điểm		**100**

8. Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Từ ngày phát hành thông báo đến trước 10 giờ 00 phút ngày **05/11/2026** (trong giờ hành chính). Hồ sơ gồm 01 bộ chính và 02 bộ sao y.

9. Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Phòng Kế hoạch và Vật tư - Công ty Điện lực Tây Ninh – Số 168 Tuyến Tránh - Phường Long An – Tỉnh Tây Ninh.

10. Thời điểm đóng, mở hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: 10 giờ 00 phút, ngày **05/11/2026**.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Các nhà thầu;
- Lưu: VT, KHVT, ĐT. Thuận.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0300942001-015 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂY NINH - TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Tấn Hùng

Phụ lục:
DANH MỤC THANH LÝ

Lô 1: Tài sản cố định, vật tư thiết bị

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã chất thải
1	MBA 25MVA Vina takaoka No: 0120104T (B/giao cao thế)-0120104T	Cái	1	17 03 05
2	MBA 110KV 25MVA TÂN HƯNG (B/giao cao thế) / ABB SM: 1133072	Cái	1	17 03 05
3	MBA T1-25MVA ABB No:1133069, trạm 110KV Vũng Liêm (B/giao cao thế)-1133068	Cái	1	17 03 05
4	MBA 40MVA hiệu ABB, No: GT03295 (B/giao cao thế)-GT03295	Cái	1	17 03 05
5	Bộ đếm sét	Bộ	1	16 01 13
6	Điện kế VSE11 10(40)A x 220V PLC	Cái	2	16 01 13
7	Điện kế điện từ 3 pha các loại	Cái	849	16 01 13
8	Điện kế điện tử 1P 5(6)A GT-DDSF86	Cái	6	16 01 13
9	Công tơ điện từ 3 pha nhiều biểu giá loại gián tiếp 3x5(6)A, 3x(57,5/100 240/415)V, CCX: 0,5S ĐKĐ	Cái	39	16 01 13
10	Điện kế điện tử 3P 3 giá 5(10)A GT 57.5/100V, 3x240/415V (không kèm module) (ĐKD)	Cái	2	16 01 13
11	Điện kế điện tử 3P 3 giá PLC GT 5(6)A 230/400V CCX1	Cái	4	16 01 13
12	Điện kế điện tử 3P PLC nhiều biểu giá TT 5(100)A 220/380V CCX1	Cái	1	16 01 13
13	Điện kế điện tử 3P (10-100)A 220/380V	Cái	3	16 01 13
14	Điện kế điện tử 3P4W 40-100A Class 1	Cái	6	16 01 13
15	Điện kế điện tử 3P (40-100)A 230/400V	Cái	1	16 01 13
16	Điện kế điện tử 3P 40(100)A-230/400V	Cái	7	16 01 13
17	Điện kế điện tử 3P PLC 50(100)A 220V/380V	Cái	2	16 01 13
18	Điện kế điện tử 3P 3 giá PLC TT 50(100)A 230/400V CCX1	Cái	61	16 01 13
19	Điện kế điện tử 3P 3 giá TT 5(100)A 230/400V CCX1 (không module) (ĐKD)	Cái	12	16 01 13
20	3x10(100)A 230/400V CCX:1 (kèm module)	Cái	1	16 01 13
21	Công tơ điện tử 1P thu hồi các loại	Cái	29	16 01 13
22	Điện kế điện tử 1P thu hồi các loại	Cái	14.700	16 01 13
23	Điện kế điện tử 1P 5(6)A 230V GT	Cái	33	16 01 13
24	Điện kế điện tử 1pha 2 dây 1 giá TT, class1-10(40)A 220V PLC	Cái	58	16 01 13
25	Công tơ điện tử 1 pha 3 giá 10(100)A 220V	Cái	2	16 01 13
26	Điện kế điện tử 1 pha 3 giá 5(80)A 220V CCX1	Cái	3	16 01 13

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã chất thải
27	Điện kế điện tử 1P GT 5(10)A 220V, CCX1 (không Module)	Cái	43	16 01 13
28	Điện kế điện tử 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	176	16 01 13
29	Điện kế điện tử 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1 (ĐKD)	Cái	5	16 01 13
30	Điện kế điện tử 1P 3 giá 5(10)A 220V	Cái	7	16 01 13
31	Công tơ điện tử nhiều biểu giá, gián tiếp 3x5(6)A, 3x(57.7/100 +230/400)V, CCX: 0.5S	Cái	2	16 01 13
32	Điện kế điện tử 1 pha 1 giá TT PLC 10(80)A 220V CCX1 (ĐKD)	Cái	30	16 01 13
33	Tủ phân phối nguồn DC	Tủ	4	16 01 13
34	Tủ phân phối nguồn AC	Tủ	4	16 01 13
35	Tủ SIC	Cái	3	16 01 13
36	Tủ RTU-MAIN	Tủ	6	16 01 13
37	Tụ bù trung thế các loại	Cái	34	17 03 05
38	Tụ bù hạ thế phế liệu	Cái	104	17 03 05
39	Tụ bù hạ thế 1 pha 230V-10KVAR	Cái	1	17 03 05
40	Tụ bù hạ thế 3 pha 415V - 5Kvar	Cái	6	17 03 05
41	Tụ bù trung thế 1 pha 12,7kV-200kVAR	Cái	1	17 03 05
42	Máy in các loại	Cái	8	16 01 13
43	Máy in	Cái	1	16 01 13
44	Máy in kim A4	Cái	1	16 01 13
45	Máy in Bluetooth	Cái	22	16 01 13
46	Máy in kim A3	Cái	1	16 01 13
47	Micro không dây	Cái	3	16 01 13
48	Wifi TP-Link TL-WR1043ND	Cái	1	16 01 13
49	Tivi các loại	Cái	3	16 01 13
50	Quạt giải nhiệt	Cái	1	16 01 13
51	Bình ắc quy phế liệu	Cái	3	16 01 12
52	Lọc dầu	Cái	1	17 02 04
53	Bộ điều khiển và giao tiếp với hệ thống điều khiển trung tâm	Bộ	1	16 01 13
54	Máy lạnh phế liệu	Cái	10	16 01 13
55	Máy tính xách tay phế liệu	Cái	1	16 01 13
56	Màn hình vi tính phế thải	Cái	13	16 01 13
57	Camera	Cái	19	16 01 13
58	CPU phế liệu	Cái	19	16 01 13
59	Điện thoại các loại thu hồi	Cái	9	16 01 13
60	Máy in Laser	Bộ	2	16 01 13
61	Modem	Cái	86	16 01 13
62	Bảng đèn led	Cái	3	16 01 13

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã chất thải
63	Bộ phát sóng wifi tích hợp 3G	Cái	1	16 01 13
64	Bàn phím vi tính	Cái	10	16 01 13
65	Bàn phím vi tính	Cái	3	16 01 13
66	CPU máy vi tính	Cái	9	16 01 13
67	Màn hình máy vi tính	Cái	7	16 01 13
68	Màn hình máy vi tính	Cái	22	16 01 13
69	UPS (Bộ lưu điện)	Cái	1	16 01 12
70	Điện thoại bàn	Cái	1	16 01 13
71	Điện thoại di động	Cái	9	16 01 13
72	Máy ghi âm	Cái	1	16 01 13
73	Máy đo điện trở cách điện	Cái	4	16 01 13
74	Máy Scan các loại	Cái	1	16 01 13
75	Máy tính bảng	Cái	15	16 01 13
76	Máy nước nóng, lạnh	Cái	3	16 01 13
77	Máy vi tính xách tay	Cái	4	16 01 13
78	Bút thử điện trung thế đèn còi	Cái	1	16 01 13

Lô 2: Tài sản cố định, vật tư thiết bị và công cụ dụng cụ

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã chất thải
1	MBA 63MVA hiệu EMC, No: 63M0507135 (B/giao cao thế)-63M0507135	Cái	1	17 03 05
2	Máy biến áp 63MVA hiệu TIRA THAI, No: 4810930	Cái	1	17 03 05
3	Sắt phế liệu	Kg	57221,1	CTRCNTT
4	Inox các loại	Kg	2,66	CTRCNTT
5	Cáp thép phế liệu	Kg	5	CTRCNTT
6	Cáp thép chằng 3/8"	Kg	132	CTRCNTT
7	Đồng phế liệu các loại	Kg	1,43	CTRCNTT
8	Đồng phế liệu các loại	Kg	15	CTRCNTT
9	Nhôm phế liệu các loại	Kg	60,08	CTRCNTT
10	Dây chì các loại	Kg	0,9	CTRCNTT
11	Dây chì các loại	Kg	0,05	CTRCNTT
12	Dây chì các loại	Sợi	12	CTRCNTT
13	Dây chì các loại	Sợi	2	CTRCNTT
14	Trụ bê tông vuông 4m	Trụ	7	CTRCNTT
15	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 7.5m	Trụ	149	CTRCNTT
16	Trụ BTLT 6M TH	Trụ	9	CTRCNTT
17	Trụ bê tông vuông 4,5 mét	Cái	144	CTRCNTT
18	TRỤ BTLT DUL 7,5M 200kgf	Trụ	2	CTRCNTT
19	Trụ BTLT 12m	Trụ	71	CTRCNTT
20	Trụ BTV cắt gốc còn 2-3 mét	Trụ	9	CTRCNTT

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã chất thải
21	Trụ BTV cắt gốc từ 7-8m	Trụ	22	CTRCNTT
22	Trụ BTLT CẮT GỐC 3-4 MÉT	Trụ	4	CTRCNTT
23	Trụ BTLT CẮT GỐC 4-5 MÉT	Trụ	7	CTRCNTT
24	Trụ BTLT CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	174	CTRCNTT
25	Trụ BTLT CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	55	CTRCNTT
26	Trụ BTLT CẮT GỐC 7-8 MÉT	Trụ	1	CTRCNTT
27	Trụ BTLT CẮT GỐC 7-8 MÉT	Trụ	34	CTRCNTT
28	Trụ BTLT CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	231	CTRCNTT
29	Trụ BTLT CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	224	CTRCNTT
30	Trụ BTLT CẮT GỐC 10-11 MÉT	Trụ	91	CTRCNTT
31	Trụ BTLT CẮT GỐC 11-12 MÉT	Trụ	14	CTRCNTT
32	Trụ BTLT Dul CẮT gốc 10-11m	Cây	4	CTRCNTT
33	Trụ BTLT 7,5m cắt gốc còn 3-4 Mét	Trụ	1	CTRCNTT
34	Trụ BTLT 14m (cắt gốc, bể gãy còn 9-11m)	Trụ	2	CTRCNTT
35	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	1	CTRCNTT
36	Trụ BT VUÔNG CẮT GỐC 3-4m	Trụ	86	CTRCNTT
37	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 4-5 MÉT	Trụ	3	CTRCNTT
38	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	49	CTRCNTT
39	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	1	CTRCNTT
40	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 7-8MÉT	Trụ	14	CTRCNTT
41	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	30	CTRCNTT
42	Đà sắt V75x75x8-2400MM (Đa năng)	Bộ	1	CTRCNTT
43	Đà composite 75x75x6 2400MM (đa năng)	Bộ	2	CTRCNTT
44	Đà sắt các loại	Kg	60,21	CTRCNTT
45	Cổ dê ốp ống sắt ĐK 90	Bộ	4	CTRCNTT
46	Giá đỡ (FCO, LA, sứ đứng)	Cái	2	CTRCNTT
47	Sứ ống chỉ	Cái	1133	CTRCNTT
48	Sứ đỡ cho FCO-LBFCO (POLYMER)	Bộ	18	CTRCNTT
49	Sứ đỡ cho FCO-LBFCO (POLYMER)	Bộ	8	CTRCNTT
50	Sứ đỡ cho FCO-LBFCO (POLYMER)	Bộ	6	CTRCNTT
51	Sứ đỡ cho FCO-LBFCO (PORCELAIN)	Bộ	8	CTRCNTT
52	Sứ đứng 24kV	Cái	2044	CTRCNTT
53	Sứ treo 24kV polymer	Cái	193	CTRCNTT
54	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	42	CTRCNTT
55	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	110	CTRCNTT
56	Chuỗi sứ polymer 24KV-70KN	Cái	121	CTRCNTT
57	Chuỗi treo Polymer 24KV 70KN	Cái	114	CTRCNTT
58	Sứ treo thủy tinh 70KN	Cái	39	CTRCNTT
59	Chuỗi đỡ cáp quang OPGW 50	Bộ	2	CTRCNTT
60	Chuỗi cách điện néo kép dây dẫn điện ACKP 240, NKD-2-120P (không bao gồm sứ)	Chuỗi	45	CTRCNTT
61	Chuỗi CĐ néo đơn dây ACSR 240/32	Chuỗi	3	CTRCNTT

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã chất thải
62	Chuỗi cách điện đỡ kép dây dẫn ACSR 240/32	Chuỗi	42	CTRCNTT
63	Sứ treo thủy tinh 120kN	Bộ	143	CTRCNTT
64	Cách điện đứng polymer 24KV	Bộ	1164	CTRCNTT
65	Chuỗi sứ polymer các loại	Cái	18	CTRCNTT
66	Cách điện treo Polymer 24kV 120kN	Cái	683	CTRCNTT
67	Cách điện treo polymer 24KV	Cái	19	CTRCNTT
68	Chuỗi đỡ dây dẫn ACSR 240/32 (Suspension string for conductor ACSR 240/32)	Chuỗi	6	CTRCNTT
69	Ty sứ đứng 24KV	Cái	1	CTRCNTT
70	ỐC XIẾT CÁP CU 1/0	Cái	48	CTRCNTT
71	Kẹp quay A185-240mm2	Cái	33	CTRCNTT
72	Hotline 2/0	Cái	63	CTRCNTT
73	Hotline 4/0	Cái	10	CTRCNTT
74	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 2x50mm2	Cái	2	CTRCNTT
75	Kẹp dùng cáp các loại	Cái	1	CTRCNTT
76	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm2	Cái	2	CTRCNTT
77	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50-95mm2	Cái	1	CTRCNTT
78	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm2	Cái	1	CTRCNTT
79	Kẹp quai các loại	Cái	71	CTRCNTT
80	Kẹp quai 2/0	Cái	314	CTRCNTT
81	Kẹp quai 1/0	Cái	19	CTRCNTT
82	Kẹp quai 4/0	Cái	9	CTRCNTT
83	Kẹp quai ép dây 50-70mm2	Cái	3	CTRCNTT
84	Kẹp bulông che Cu-Al (Split-bolt) 10-50/35-50	Cái	2	CTRCNTT
85	Kẹp 2 rãnh song song cho dây nhôm AC 35-50	Cái	871	CTRCNTT
86	Kẹp hotline	Cái	72	CTRCNTT
87	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	1847	CTRCNTT
88	Hotline clamp Cu 25-50mm2	Cái	28	CTRCNTT
89	Kẹp Quai 2/0	Cái	55	CTRCNTT
90	Giáp níu dây bọc ACX 70/11	Cái	1	CTRCNTT
91	Giáp níu dây ACX 120mm2	Cái	8	CTRCNTT
92	Giáp níu + yếm cáp dây ACX185mm2	Cái	3	CTRCNTT
93	Giáp níu dừng dây ACX 240 mm2	Cái	4	CTRCNTT
94	Khóa đỡ dây các loại	Cái	6	CTRCNTT
95	Tạ chống rung dây chống sét	Cái	2	CTRCNTT
96	Tạ chống rung dây dẫn	Cái	12	CTRCNTT
97	Dây buộc đầu sứ đôi không từ tính dùng cho dây 240mm2	Sợi	2	CTRCNTT
98	Hộp phân phối	Bộ	113	CTRCNTT
99	Đầu cáp ngầm 1pha 1x240mm2 (ngoài trời)	Bộ	1	CTRCNTT
100	Hộp nối cáp quang các loại	Cái	1	CTRCNTT
101	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	3	CTRCNTT

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã chất thải
102	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	190	CTRCNTT
103	Cầu chì tự rơi (LBFCO) các loại	Cái	7	CTRCNTT
104	Cầu chì tự rơi (LBFCO) các loại	Cái	40	CTRCNTT
105	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV-100A porcelain	Cái	177	CTRCNTT
106	LBFCO 15/27KV-200A	Cái	5	CTRCNTT
107	LBFCO 15/27kV 200A Porcelain	Cái	6	CTRCNTT
108	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 15/27KV-100A porcelain	Cái	101	CTRCNTT
109	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 27KV 100A	Cái	4	CTRCNTT
110	LBFCO 15/27KV 200A porcelain	Cái	17	CTRCNTT
111	Cầu chì tự rơi cắt tải (LBFCO) 27kV 200A	Cái	1	CTRCNTT
112	Dây chì (FUSE LINK) 3A	Sợi	7	CTRCNTT
113	Dây chì (FUSE LINK) 6A	Sợi	1	CTRCNTT
114	Dây chì (FUSE LINK) 6A	Sợi	17	CTRCNTT
115	Dây chì (FUSE LINK) 8A	Sợi	10	CTRCNTT
116	Dây chì (FUSE LINK) 10A	Sợi	1	CTRCNTT
117	Dây chì (FUSE LINK) 12A	Sợi	1	CTRCNTT
118	Dây chì (FUSE LINK) 30A	Sợi	3	CTRCNTT
119	Dây chì (FUSE LINK) 40A	Sợi	7	CTRCNTT
120	Dây chì (FUSE LINK) 50A	Sợi	6	CTRCNTT
121	Cầu dao 2 cực 60A	Cái	4	CTRCNTT
122	Dao cách ly (DS) 1P 24KV 600A	Bộ	2	CTRCNTT
123	Dao cách ly (DS) 1P 24KV 600A	Bộ	6	CTRCNTT
124	DS các loại	Cái	8	CTRCNTT
125	DS 3 pha 24KV 630A	Bộ	3	CTRCNTT
126	Cầu dao cách ly DS 3 pha các loại	Cái	1	CTRCNTT
127	DS 3 pha 24kV 600A	Bộ	3	CTRCNTT
128	LTD các loại	Cái	1	CTRCNTT
129	LTD 24KV 630A	Cái	3	CTRCNTT
130	Chuỗi cách điện 24kV (LTD 1P 36KV 800A)	Bộ	3	CTRCNTT
131	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	62	CTRCNTT
132	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	20	CTRCNTT
133	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	1	CTRCNTT
134	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	291	CTRCNTT
135	Chống sét van (LA) các loại	Cái	233	CTRCNTT
136	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 16A	Cái	1	CTRCNTT
137	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 20A	Cái	24	CTRCNTT
138	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	1682	CTRCNTT
139	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	622	CTRCNTT
140	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 50A	Cái	1	CTRCNTT
141	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	1	CTRCNTT
142	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	20	CTRCNTT

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã chất thải
143	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 63A	Cái	1	CTRCNTT
144	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 63A	Cái	1	CTRCNTT
145	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 63A	Cái	3	CTRCNTT
146	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 125A	Cái	1	CTRCNTT
147	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 250A	Cái	1	CTRCNTT
148	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực 250A	Cái	1	CTRCNTT
149	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 16A	Cái	3	CTRCNTT
150	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 20A	Cái	2	CTRCNTT
151	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 20A	Cái	13	CTRCNTT
152	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 20A	Cái	2	CTRCNTT
153	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	390	CTRCNTT
154	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	917	CTRCNTT
155	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	1	CTRCNTT
156	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	73	CTRCNTT
157	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	4	CTRCNTT
158	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 80A	Cái	1	CTRCNTT
159	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 100A	Cái	1	CTRCNTT
160	MCB các loại PL	Cái	95	CTRCNTT
161	MCB các loại PL	Cái	3791	CTRCNTT
162	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 32A	Cái	16	CTRCNTT
163	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	5	CTRCNTT
164	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	12	CTRCNTT
165	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	2	CTRCNTT
166	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	12	CTRCNTT
167	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	6	CTRCNTT
168	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	53	CTRCNTT
169	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	9	CTRCNTT
170	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) các loại	Cái	3	CTRCNTT
171	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) các loại	Cái	1	CTRCNTT
172	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 80A	Cái	24	CTRCNTT
173	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	16	CTRCNTT
174	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	4	CTRCNTT
175	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	32	CTRCNTT
176	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	16	CTRCNTT
177	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	16	CTRCNTT
178	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	3	CTRCNTT
179	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	185	CTRCNTT
180	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực các loại	Cái	27	CTRCNTT
181	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	1	CTRCNTT
182	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	23	CTRCNTT
183	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	3	CTRCNTT
184	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	9	CTRCNTT

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã chất thải
185	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	32	CTRCNTT
186	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	19	CTRCNTT
187	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	65	CTRCNTT
188	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	19	CTRCNTT
189	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	3	CTRCNTT
190	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	5	CTRCNTT
191	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	2	CTRCNTT
192	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	1	CTRCNTT
193	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	9	CTRCNTT
194	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	2	CTRCNTT
195	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	4	CTRCNTT
196	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	2	CTRCNTT
197	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	4	CTRCNTT
198	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	588	CTRCNTT
199	Biến dòng điện (CT) 600V 75/5A 5VA CCX 0,5	Cái	6	CTRCNTT
200	Biến dòng điện (CT) 600V 125/5A	Cái	3	CTRCNTT
201	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	37	CTRCNTT
202	Biến dòng điện (CT) 600V 200/5A 10VA CCX 0.5	Cái	6	CTRCNTT
203	Biến dòng điện (CT) 600V 250/5A 10VA CCX 0.5	Cái	18	CTRCNTT
204	Biến dòng điện (CT) 600V 100/5A-5VA-CCX 0,5	Cái	3	CTRCNTT
205	Biến dòng điện (CT) 600V 600/5A-5VA-CCX 0,5	Cái	3	CTRCNTT
206	Biến dòng điện (CT) 600V 400/5A 15VA CCX 0.5	Cái	5	CTRCNTT
207	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	493	CTRCNTT
208	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A	Cái	17	CTRCNTT
209	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	2	CTRCNTT
210	Biến dòng điện (TI) 24KV 15-30/5A	Cái	6	CTRCNTT
211	Biến dòng điện đo lường 24KV - 20-40/5A	Cái	12	CTRCNTT
212	Biến dòng điện (TI) 24kV 25-50/5A 10VA epoxy chân không	Cái	3	CTRCNTT
213	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	13	CTRCNTT
214	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không	Cái	1	CTRCNTT
215	Biến dòng điện (TI) 24KV 15-30/5A	Cái	3	CTRCNTT
216	Biến dòng điện (TI) 24KV 200-400/5A 10VA epoxy chân không	Cái	2	CTRCNTT
217	Biến dòng điện (TI) 24KV 300-600/5A 10VA epoxy chân không	Cái	2	CTRCNTT
218	Biến dòng điện (TI) 24KV 30-60/5A	Cái	2	CTRCNTT
219	Biến dòng điện (TI) 24kV 75-150/5A 10VA	Cái	3	CTRCNTT

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã chất thải
220	Biến dòng điện (TI) 24kV 50-100/5A 10VA epoxy vacuum	Cái	3	CTRCNTT
221	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	697	CTRCNTT
222	Biến điện áp (TU) 1P 12000/120V 15VA epoxy vacuum	Cái	37	CTRCNTT
223	Biến điện áp TU 24KV 22000/√3/110/√3V-15VA CCX 0,5 chân không	Cái	35	CTRCNTT
224	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/3/100/3V 15VA CCX0,5	Cái	1	CTRCNTT
225	TU 24kV	Cái	1	CTRCNTT
226	TU cấp nguồn 1P 12.7/0.2KV-1KVA	Cái	6	CTRCNTT
227	Điện kế 1P2W 5(6)A 220V CCX2	Cái	2	CTRCNTT
228	Thùng COMPOSITE các loại	Cái	3258	CTRCNTT
229	Hộp công tơ 1 pha nhựa trong nhà	Bộ	16	CTRCNTT
230	Hộp 1 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	114	CTRCNTT
231	Hộp 1 công tơ 3 pha composite ngoài trời	Cái	32	CTRCNTT
232	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	2	CTRCNTT
233	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	115	CTRCNTT
234	Hộp 4 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	17	CTRCNTT
235	Hộp 4 công tơ một pha composite ngoài trời	Cái	100	CTRCNTT
236	Hộp điện kế nhựa 3 pha trong nhà	Cái	2	CTRCNTT
237	Hộp 6 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	6	CTRCNTT
238	Thùng điện kế đôi lớn 500x800x1000MM	Cái	1	CTRCNTT
239	Thùng điện kế đôi nhỏ 500x600x900 mm	Cái	18	CTRCNTT
240	Thùng cầu dao 300A	Cái	5	CTRCNTT
241	Đèn xe ôtô	Cái	2	CTRCNTT
242	Cáp quang F8-12FO	Mét	422	CTRCNTT
243	Cáp quang ADSS	Kg	76	CTRCNTT
244	Tole các loại phế liệu	Kg	4	CTRCNTT
245	Bu lông 16x40	Cây	24	CTRCNTT
246	Bu lông 16x60	Cái	6	CTRCNTT
247	Bu lông 16x150	Cái	25	CTRCNTT
248	Bu lông 16x250	Cái	16	CTRCNTT
249	Bu lông 16x350	Cái	20	CTRCNTT
250	Bu lông các loại phế liệu	Kg	1,75	CTRCNTT
251	Bu lông VRS 16x300	Cái	24	CTRCNTT
252	Giáp níu dây nhôm bọc ACX 24kV 185mm2	Cái	6	CTRCNTT
253	Ống nhựa PVC tròn ĐK 60	Mét	44	CTRCNTT
254	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	16	CTRCNTT
255	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	62	CTRCNTT
256	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	10	CTRCNTT
257	Ống nhựa	Kg	2,4	CTRCNTT

STT	Tên vật tư thiết bị	ĐVT	Số lượng	Mã chất thải
258	Nắp chụp LA	Cái	6	CTRCNTT
259	Hộp 1 công tơ 1 pha trong nhà (nhựa)	Cái	1	CTRCNTT
260	Nắp chụp sứ MBA	Cái	3	CTRCNTT
261	Nắp chụp sứ cao máy biến áp	Cái	3	CTRCNTT
262	Nhựa & cao su các loại phế thải	Kg	2,9	CTRCNTT
263	Ghế xoay	Cái	6	CTRCNTT
264	Ghế quầy giao dịch	Cái	2	CTRCNTT
265	Bàn họp	Cái	1	CTRCNTT
266	Tủ trưng bày	Cái	2	CTRCNTT
267	Bàn làm việc các loại	Cái	9	CTRCNTT
268	Ghế đai gỗ	Cái	3	CTRCNTT
269	Bục gỗ	Cái	1	CTRCNTT
270	Băng ghế	Cái	2	CTRCNTT
271	P/tùng xe cẩu	Bộ	20	CTRCNTT
272	Phụ tùng thu hồi sửa chữa xe Toyota	Bộ	3	CTRCNTT
273	Phụ tùng thu hồi sửa chữa xe tải KIA	Bộ	65	CTRCNTT
274	Dây đai Inox 10x0.4x1200 + khóa đai inox	Bộ	2	CTRCNTT
275	Dây đai Inox 20x0,4x1000 + khóa đai inox	Bộ	128	CTRCNTT
276	Dây đai Inox 20x0.4x1200 + khóa đai inox	Cái	546	CTRCNTT
277	Kìm ép thủy lực	Cái	1	CTRCNTT
278	Kềm cắt cộng lực	Cái	3	CTRCNTT
279	Ampere kìm trung thế	Cái	1	CTRCNTT
280	Ampere kìm hạ thế	Cái	2	CTRCNTT
281	Máy khoan	Cái	6	CTRCNTT
282	Bồn nước Inox	Cái	1	CTRCNTT
283	Nhựa các loại	Kg	11,4	CTRCNTT
284	Nhựa các loại	Kg	56,21	CTRCNTT
285	Sào thao tác	Cây	3	CTRCNTT
286	Sào tiếp địa trung thế	Bộ	2	CTRCNTT
287	Sào phát quang đường dây	Cái	1	CTRCNTT
288	Găng tay cách điện hạ thế	Đôi	22	CTRCNTT
289	Găng tay cách điện trung thế	Đôi	13	CTRCNTT